**Phụ lục I**

**KHUNG KẾ HOẠCH DẠY HỌC VÀ TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ CHUYÊN MÔN**

(*Kèm theo Công văn số /SGDĐT-GDTrH ngày tháng năm 2021 của Sở GDĐT*)

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG:** THPTC  **TỔ:** VẬT LÍ | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**I. KẾ HOẠCH DẠY HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN**

**MÔN HỌC/HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC : VẬT LÍ, KHỐI LỚP: 10**

(Năm học 2022-2023...)

**1. Đặc điểm tình hình**

**1.1. Số lớp:** ..................**; Số học sinh:** ...................**; Số học sinh học chuyên đề lựa chọn** (nếu có)**:……………**

**1.2. Tình hình đội ngũ: Số giáo viên:** 07; **Trình độ đào tạo**: Cao đẳng: ........ Đại học: 03; Trên đại học: 04

**Mức đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên [[1]](#footnote-1):** Tốt: 07 ; Khá:......; Đạt:.....; Chưa đạt:....

**1.3. Thiết bị dạy học:** *(Trình bày cụ thể các thiết bị dạy học có thể sử dụng trong các tiết dạy; yêu cầu nhà trường/bộ phận thiết bị chủ động cho tổ chuyên môn; đặc biệt các đồ dùng dạy học dùng cho việc đổi mới phương pháp dạy học)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Thiết bị dạy học** | **Số lượng** | **Các bài thí nghiệm/thực hành** | **Ghi chú** |
| 1 | - Bộ TN momen lực | 1 | Bài 21: Moment lực. Cân bằng của vật rắn |  |
| 2 | - Bộ TN tổng hợp hai lực đồng quy.  - Bộ TN tổng hợp 2 lực song song cùng chiều. | 4 | Bài 22: Thực hành: Tổng hợp lực |  |
| 3 | Lò xo, máng nghiêng | 4 | Bài 25: Động năng, thế năng |  |
| 4 | Con lắc đơn | 1 | Bài 26: Cơ năng và định luật bảo toàn cơ năng |  |
| 5 | Máng trượt nghiêng, bi | 4 | Bài 28: Động lượng |  |
| 6 | Bộ dụng cụ TN Xác định động lượng của vật trước và sau va chạm | 4 | Bài 29: Định luật bảo toàn động lượng |  |
| 7 | Bộ dụng cụ TN Xác định động lượng của vật trước và sau va chạm | 4 | Bài 30: Thực hành: Xác định động lượng của vật trước và sau va chạm |  |
| 8 | Lò xo, bóng cao su, dây cao su | 7 | Bài 33: Biến dạng của vật rắn |  |
| 9 | Bình chia độ, ống thủy tinh, sợi dây | 7 | Bài 34: Khối lượng riêng. Áp suất chất lỏng |  |

**1.4. Phòng học bộ môn/phòng thí nghiệm/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập** *(Trình bày cụ thể các phòng thí nghiệm/phòng bộ môn/phòng đa năng/sân chơi/bãi tập có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên phòng** | **Số lượng** | **Phạm vi và nội dung sử dụng** | **Ghi chú** |
| 1 | Phòng bộ môn / Phòng thí nghiệm | 1 | Bài 21: Moment lực. Cân bằng của vật rắn  Bài 22: Thực hành: Tổng hợp lực  Bài 25: Động năng, thế năng  Bài 28: Động lượng  Bài 29: Định luật bảo toàn động lượng  Bài 30: Thực hành: Xác định động lượng của vật trước và sau va chạm  Bài 33: Biến dạng của vật rắn  Bài 34: Khối lượng riêng. Áp suất chất lỏng |  |
| 2 | Sân chơi, bãi tập | 1 | Bài 33: Biến dạng của vật rắn  Chuyên đề 10.2. Trái Đất và bầu trời  Chuyên đề 10.3. Vật lí với giáo dục về bảo vệ môi trường |  |
| ... |  |  |  |  |

**2. Kế hoạch dạy học[[2]](#footnote-2)**

**2.1. Phân phối chương trình**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Bài học**  **(1)** | **Số tiết**  **(2)** | **Yêu cầu cần đạt**  **(3)** |
| 1 | **Bài 21: Moment lực. Cân bằng của vật rắn** | 2 | – Dùng hình vẽ, tổng hợp được các lực trên một mặt phẳng.  – Dùng hình vẽ, phân tích được một lực thành các lực thành phần vuông góc.  – Thảo luận để thiết kế phương án hoặc lựa chọn phương án và thực hiện phương án, tổng hợp được  hai lực đồng quy bằng dụng cụ thực hành.  – Nêu được khái niệm moment lực, moment ngẫu lực; Nêu được tác dụng của ngẫu lực lên một vật  chỉ làm quay vật.  – Phát biểu và được quy tắc moment cho một số trường hợp đơn giản trong thực tế.  – Thảo luận để rút ra được điều kiện để vật cân bằng: lực tổng hợp tác dụng lên vật bằng không và  tổng moment lực tác dụng lên vật (đối với một điểm bất kì) bằng không. |
| 2 | **Bài tập** | 2 | - Vận dụng được quy tắc moment cho một số trường hợp đơn giản trong thực tế. |
| 3 | **Bài 22: Thực hành: Tổng hợp lực** | 2 | – Thảo luận để thiết kế phương án hoặc lựa chọn phương án và thực hiện phương án, tổng hợp được  hai lực song song bằng dụng cụ thực hành. |
| **CHƯƠNG IV: NĂNG LƯỢNG, CÔNG, CÔNG SUẤT (10 tiết + 1 Ôn tập + 1KT = 12 tiết)** | | | | |
| 4 | **Bài 23: Năng lượng. Công cơ học** | 2 | – Chế tạo mô hình đơn giản minh hoạ được định luật bảo toàn năng lượng, liên quan đến một số  dạng năng lượng khác nhau.  – Trình bày được ví dụ chứng tỏ có thể truyền năng lượng từ vật này sang vật khác bằng cách thực  hiện công.  – Nêu được biểu thức tính công bằng tích của lực tác dụng và độ dịch chuyển theo phương của lực,  nêu được đơn vị đo công là đơn vị đo năng lượng (với 1 J = 1 Nm); Tính được công trong một số  trường hợp đơn giản. |
| 5 | **Bài 24: Công suất** | 2 | – Từ một số tình huống thực tế, thảo luận để nêu được ý nghĩa vật lí và định nghĩa công suất.  – Vận dụng được mối liên hệ công suất (hay tốc độ thực hiện công) với tích của lực và vận tốc trong  một số tình huống thực tế. |
| 6 | **Bài 25: Động năng, thế năng** | 2 | – Từ phương trình chuyển động thẳng biến đổi đều với vận tốc ban đầu bằng không, rút ra được  động năng của vật có giá trị bằng công của lực tác dụng lên vật.  – Nêu được công thức tính thế năng trong trường trọng lực đều, vận dụng được trong một số trường  hợp đơn giản. |
| 7 | **Bài 26: Cơ năng và định luật bảo toàn cơ năng** | 2 | – Phân tích được sự chuyển hoá động năng và thế năng của vật trong một số trường hợp đơn giản.  – Nêu được khái niệm cơ năng; phát biểu được định luật bảo toàn cơ năng và vận dụng được định  luật bảo toàn cơ năng trong một số trường hợp đơn giản. |
| 8 | **Bài 27: Hiệu suất** | 2 | – Từ tình huống thực tế, thảo luận để nêu được định nghĩa hiệu suất, vận dụng được hiệu suất trong  một số trường hợp thực tế. |
| 9 | **Ôn tập** | 1 |  |
| 10 | **Kiểm tra GHK2** | 1 |  |
| **CHƯƠNG V: ĐỘNG LƯỢNG (6 tiết)** | | | | |
| 11 | **Bài 28: Động lượng** | 2 | – Từ tình huống thực tế, thảo luận để nêu được ý nghĩa vật lí và định nghĩa động lượng. |
| 12 | **Bài 29: Định luật bảo toàn động lượng** | 2 | – Thực hiện thí nghiệm và thảo luận, phát biểu được định luật bảo toàn động lượng trong hệ kín.  – Vận dụng được định luật bảo toàn động lượng trong một số trường hợp đơn giản. |
| 13 | **Bài 30: Thực hành: Xác định động lượng của vật trước và sau va chạm** | 2 | – Rút ra được mối liên hệ giữa lực tổng hợp tác dụng lên vật và tốc độ thay đổi của động lượng (lực  tổng hợp tác dụng lên vật là tốc độ thay đổi của động lượng của vật).  – Thực hiện thí nghiệm và thảo luận được sự thay đổi năng lượng trong một số trường hợp va chạm  đơn giản.  – Thảo luận để giải thích được một số hiện tượng đơn giản.  – Thảo luận để thiết kế phương án hoặc lựa chọn phương án, thực hiện phương án, xác định được tốc  độ và đánh giá được động lượng của vật trước và sau va chạm bằng dụng cụ thực hành. |
| **CHƯƠNG VI: CHUYỂN ĐỘNG TRÒN ĐỀU (4 tiết)** | | | | |
| 14 | **Bài 31: Động học của chuyển động tròn đều** | 1 | – Từ tình huống thực tế, thảo luận để nêu được định nghĩa radian và biểu diễn được độ dịch chuyển  góc theo radian.  – Vận dụng được khái niệm tốc độ góc. |
| 15 | **Bài 32: Lực hướng tâm và gia tốc hướng tâm** | 1 | – Vận dụng được biểu thức gia tốc hướng tâm a = rω2  , a = v2  /r.  – Vận dụng được biểu thức lực hướng tâm F = mrω2  , F = mv2  /r.  – Thảo luận và đề xuất giải pháp an toàn cho một số tình huống chuyển động tròn trong thực tế. |
| **CHƯƠNG VII: BIẾN DẠNG CỦA VẬT RẮN. ÁP SUẤT CHẤT LỎNG (4 tiết + 1 Ôn tập + 1KT = 6 tiết)** | | | | |
| 16 | **Bài 33: Biến dạng của vật rắn** | 2 | – Thảo luận để thiết kế phương án hoặc lựa chọn phương án và thực hiện phương án, tìm mối liên hệ  giữa lực đàn hồi và độ biến dạng của lò xo, từ đó phát biểu được định luật Hooke.  – Vận dụng được định luật Hooke trong một số trường hợp đơn giản. |
| 17 | **Bài 34: Khối lượng riêng. Áp suất chất lỏng** | 2 | – Nêu được khối lượng riêng của một chất là khối lượng của một đơn vị thể tích của chất đó.  – Thành lập và vận dụng được phương trình Δp = ρgΔh trong một số trường hợp đơn giản; đề xuất  thiết kế được mô hình minh hoạ. |
| 18 | **Ôn tập** | 1 |  |
| 19 | **Kiểm tra HK2** | 1 |  |

**2.2. Chuyên đề lựa chọn (đối với cấp trung học phổ thông)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Chuyên đề**  **(1)** | **Số tiết**  **(2)** | **Yêu cầu cần đạt**  **(3)** |
| 1 | **Chuyên đề 10.1. Vật lí trong một số ngành nghề** |  |  |
|  | Sơ lược về sự phát triển của vật lí học | 4 | – Thảo luận, đề xuất, chọn phương án và thực hiện được Nhiệm vụ học tập để:  + Nêu được sơ lược sự ra đời và những thành tựu ban đầu của vật lí thực nghiệm.  + Nêu được sơ lược vai trò của cơ học Newton đối với sự phát triển của Vật lí học.  + Liệt kê được một số nhánh nghiên cứu chính của vật lí cổ điển.  + Nêu được sự khủng hoảng của vật lí cuối thế kỉ XIX, tiền đề cho sự ra đời của vật lí hiện đại.  + Liệt kê được một số lĩnh vực chính của vật lí hiện đại. |
|  | Giới thiệu các lĩnh vực nghiên cứu trong vật lí học | 3 | – Nêu được đối tượng nghiên cứu; liệt kê được một vài mô hình lí thuyết đơn giản, một số phương  pháp thực nghiệm của một số lĩnh vực chính của vật lí hiện đại.  – Thảo luận, đề xuất, chọn phương án và thực hiện được Nhiệm vụ học tập tìm hiểu về các mô hình,  lí thuyết khoa học đã phát triển và được áp dụng để cải thiện các công nghệ hiện tại cũng như phát  triển các công nghệ mới. |
|  | Giới thiệu các ứng dụng của vật lí trong một số ngành nghề | 3 | – Mô tả được ví dụ thực tế về việc sử dụng kiến thức vật lí trong một số lĩnh vực (Quân sự; Công  nghiệp hạt nhân; Khí tượng; Nông nghiệp, Lâm nghiệp; Tài chính; Điện tử; Cơ khí, tự động hoá; Thông tin, truyền thông; Nghiên cứu khoa học). |
| 2 | **Chuyên đề 10.2. Trái Đất và bầu trời** |  |  |
|  | Xác định phương hướng | 3 | – Xác định được trên bản đồ sao (hoặc bằng dụng cụ thực hành) vị trí của các chòm sao: Gấu lớn,  Gấu nhỏ, Thiên Hậu.  – Xác định được vị trí sao Bắc Cực trên nền trời sao. |
|  | Đặc điểm chuyển động nhìn thấy của một số thiên thể trên nền trời sao | 4 | – Sử dụng mô hình hệ Mặt Trời, thảo luận để nêu được một số đặc điểm cơ bản của chuyển động  nhìn thấy của Mặt Trời, Mặt Trăng, Kim Tinh và Thuỷ Tinh trên nền trời sao.  – Dùng mô hình nhật tâm của Copernic giải thích được một số đặc điểm quan sát được của Mặt Trời,  Mặt Trăng, Kim Tinh và Thuỷ Tinh trên nền trời sao. |
|  | Một số hiện tượng thiên văn | 3 | – Dùng ảnh (hoặc tài liệu đa phương tiện), thảo luận để giải thích được một cách sơ lược và định tính  các hiện tượng: nhật thực, nguyệt thực, thuỷ triều. |
| 3 | **Chuyên đề 10.3. Vật lí với giáo dục về bảo vệ môi trường** |  |  |
|  | Sự cần thiết phải bảo vệ môi trường | 7 | – Thảo luận, đề xuất, chọn phương án và thực hiện được Nhiệm vụ học tập tìm hiểu:  + Sự cần thiết bảo vệ môi trường trong chiến lược phát triển của các quốc gia.  + Vai trò của cá nhân và cộng đồng trong bảo vệ môi trường. |
|  | Vật lí với giáo dục bảo vệ môi trường | 8 | – Thảo luận, đề xuất, chọn phương án và thực hiện được Nhiệm vụ học tập tìm hiểu:  + Tác động của việc sử dụng năng lượng hiện nay đối với môi trường, kinh tế và khí hậu Việt Nam.  + Sơ lược về các chất ô nhiễm trong nhiên liệu hoá thạch, mưa axit, năng lượng hạt nhân, sự suy  giảm tầng ozon, sự biến đổi khí hậu.  – Thảo luận, đề xuất, chọn phương án và thực hiện được Nhiệm vụ học tập tìm hiểu:  + Phân loại năng lượng hoá thạch và năng lượng tái tạo.  + Vai trò của năng lượng tái tạo.  + Một số công nghệ cơ bản để thu được năng lượng tái tạo. |
|  |  |  |  |

*(1) Tên bài học/chuyên đề được xây dựng từ nội dung/chủ đề/chuyên đề (được lấy nguyên hoặc thiết kế lại phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường) theo chương trình, sách giáo khoa môn học/hoạt động giáo dục.*

*(2) Số tiết được sử dụng để thực hiện bài học/chủ đề/chuyên đề.*

*(3) Yêu cầu (mức độ) cần đạt theo chương trình môn học: Giáo viên chủ động các đơn vị bài học, chủ đề và xác định yêu cầu (mức độ) cần đạt.*

**2.3. Kiểm tra, đánh giá định kỳ**

**GIỮA HỌC KỲ 2**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Bài kiểm tra, đánh giá | Thời gian  (1) | Thời điểm  (2) | Yêu cần cần đạt  (3) | | Hình thức  (4) |
| Giữa học kỳ 2 | 45 phút | Tuần 27 | Momen lực. Điều kiện cân bằng | - Nêu được khái niệm momen lực, momen ngẫu lực; Nêu được tác dụng của ngẫu lực lên một vật chỉ làm quay vật.  - Phát biểu và vận dụng quy tắc momen cho một số trường hợp đơn giản trong thực tế.  - Hiểu được điều kiện tổng hợp tác dụng lên vật bằng không và tổng momen lực tác dụng lên vật (đối với một điểm bất kì) bằng không. | 70%TN  30%TL |
| Năng lượng và công | - Nêu được biểu thức tính công bằng tích của lực tác dụng và độ dịch chuyển theo phương của lực, nêu được đơn vị đo công là đơn vị đo năng lượng (với ).  - Tính được công trong một số trường hợp đơn giản.  - Trình bày được ví dụ chứng tỏ có thể truyền năng lượng từ vật này sang vật khác bằng cách thực hiện công. |
| Công suất | - Nêu được ý nghĩa vật lí và định nghĩa công suất.  - Vận dụng được mối liên hệ công suất (hay tốc độ thực hiện công) với tích của lực và vận tốc trong một số tình huống thực tế. |
| Động năng | - Viết được biểu thức động năng của vật. |
| Thế năng | - Nêu được công thức tính thế năng trong trường hợp trọng lực đều, vận dụng được công thức tính thế năng trong một số trường hợp đơn giản.  - Phân tích được sự chuyển hóa động năng và thế năng của vật trong một số trường hợp đơn giản. |
| Cơ năng | - Nêu được khái niệm cơ năng; phát biểu được định luật bảo toàn cơ năng và vận dụng được định luật bảo toàn cơ năng trong một số trường hợp đơn giản. |
| Hiệu suất | -Nêu được định nghĩa hiệu suất; vận dụng được hiệu suất trong một số trường hợp thực tế. |

**CUỐI HỌC KỲ 2**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Bài kiểm tra | Thời gian | Thời điểm | Yêu cần cần đạt | | Hình thức |
| Cuối học kỳ 2 | 45 phút | Tuần 34 | Momen lực. Điều kiện cân bằng | - Nêu được khái niệm momen lực, momen ngẫu lực; Nêu được tác dụng của ngẫu lực lên một vật chỉ làm quay vật.  - Phát biểu và vận dụng quy tắc momen cho một số trường hợp đơn giản trong thực tế. | 70%TN  30%TL |
| Năng lượng và công | - Nêu được biểu thức tính công bằng tích của lực tác dụng và độ dịch chuyển theo phương của lực, nêu được đơn vị đo công là đơn vị đo năng lượng (với ).  - Tính được công trong một số trường hợp đơn giản. |
| Công suất | - Viết được biểu thức tính công suất. |
| Động năng | - Viết được biểu thức động năng của vật. |
| Thế năng | - Nêu được công thức tính thế năng trong trường hợp trọng lực đều, vận dụng được công thức tính thế năng trong một số trường hợp đơn giản. |
| Cơ năng | - Nêu được khái niệm cơ năng; phát biểu được định luật bảo toàn cơ năng và vận dụng được định luật bảo toàn cơ năng trong một số trường hợp đơn giản. |
| Hiệu suất | -Viết được công thức tính hiệu suất. |
| Động lượng | - Nêu được định nghĩa động lượng.  - Viết được biểu thức động lượng.  - Viết được mối liên hệ giữa lực tổng hợp tác dụng lên vật và tốc độ thay đổi của động lượng |
| Bảo toàn động lượng | - Phát biểu được định luật bảo toàn động lượng trong hệ kín.  - Vận dụng được định luật bảo toàn động lượng trong một số trường hợp đơn giản. |
| Bài toán va chạm | - Vận dụng định luật bảo toàn động lượng để giải bài toán va chạm. |
| Động lượng và năng lượng trong va chạm | -Vận dụng định luật bảo toàn động lượng và năng lượng để giả bài toán va chạm. |
| Độ dịch chuyển góc | - Nêu được định nghĩa radian và biểu diễn được độ dịch chuyển góc theo radian. |
| Tốc độ và vận tốc trong chuyển động tròn đều | - Viết được công thức tính tốc độ góc.  - Vận dụng được khái niệm tốc độ góc. |
| Lực hướng tâm, gia tốc hướng tâm | - Viế được công thức tính gia tốc hướng tâm, lực hướng tâm.  - Vận dụng được biểu thức gia tốc hướng tâm và biểu thức của lực hướng tâm. |
| Biến dạng vật rắn | - Nêu được sự biến dạng kéo, biến dạng kéo.  - Mô tả được các đặc tính của lò xo: giới hạn đàn hồi, độ giãn, độ cứng.  - Tìm được mối liên hệ giữa lực đàn hồi và độ biến dạng của lò xo. Từ đó phát biểu được định luật Hooke.  - Vận dụng được định luật Hooke trong một số trường hợp đơn giản. |
| Khối lượng riêng. Áp suất chất lỏng | - Viết được công thức tính áp suát chất lỏng |

*(1) Thời gian làm bài kiểm tra, đánh giá.*

*(2) Tuần thứ, tháng, năm thực hiện bài kiểm tra, đánh giá.*

*(3) Yêu cầu (mức độ) cần đạt đến thời điểm kiểm tra, đánh giá (theo phân phối chương trình).*

*(4) Hình thức bài kiểm tra, đánh giá: viết (trên giấy hoặc trên máy tính); bài thực hành; dự án học tập.*

**3. Các nội dung khác (nếu có):**

.......................................................................................................................................................................................................

.......................................................................................................................................................................................................

.......................................................................................................................................................................................................

.......................................................................................................................................................................................................

.......................................................................................................................................................................................................

**II. KẾ HOẠCH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN**

(Năm học 2022 - 2023)

**1. Khối lớp: 10 ; Số học sinh:…………….**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Chủ đề**  **(1)** | **Yêu cầu cần đạt**  **(2)** | **Số tiết**  **(3)** | **Thời điểm**  **(4)** | **Địa điểm**  **(5)** | **Chủ trì**  **(6)** | **Phối hợp**  **(7)** | **Điều kiện thực hiện**  **(8)** |
| 1 | Hôi thi chế tạo tên lửa nước và xe phản lực | - Đưa ra được mô hình thiết kế tên lửa nước và xe phản lực.  - Giải thích nguyên lý hoạt động  - Chế tạo được sản phẩm | 4 | Tuần 28 | Sân thể dục | Tổ Vật lí | Đoàn Trường | Chuẩn bị:  - Thiết bị thu phát âm thanh.  - Dụng cụ để chế tạo sản phẩm.  - Quy định cuộc thi, thang điểm đánh giá.  - Giải thưởng.  Ý tưởng tổ chức:  - Yêu cầu các đội tham gia cho ra bản thiết kế, giải thích nguyên lí hoạt động và sản phẩm chế tạo.  - Tổ chức thi giữa các nhóm và đánh giá xếp hạng. |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |  |  |  |  |

**2. Khối lớp: ......................; Số học sinh:…………….**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Chủ đề**  **(1)** | **Yêu cầu cần đạt**  **(2)** | **Số tiết**  **(3)** | **Thời điểm**  **(4)** | **Địa điểm**  **(5)** | **Chủ trì**  **(6)** | **Phối hợp**  **(7)** | **Điều kiện thực hiện**  **(8)** |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |  |  |  |  |

**3. Khối lớp: ......................; Số học sinh:…………….**

….

*(1) Tên chủ đề tham quan, cắm trại, sinh hoạt tập thể, câu lạc bộ, hoạt động phục vụ cộng đồng.*

*(2) Yêu cầu (mức độ) cần đạt của hoạt động giáo dục đối với các đối tượng tham gia.*

*(3) Số tiết được sử dụng để thực hiện hoạt động.*

*(4) Thời điểm thực hiện hoạt động (tuần/tháng/năm).*

*(5) Địa điểm tổ chức hoạt động (phòng thí nghiệm, thực hành, phòng đa năng, sân chơi, bãi tập, cơ sở sản xuất, kinh doanh, tại di sản, tại thực địa...).*

*(6) Đơn vị, cá nhân chủ trì tổ chức hoạt động.*

*(7) Đơn vị, cá nhân phối hợp tổ chức hoạt động.*

*(8) Cơ sở vật chất, thiết bị giáo dục, học liệu…*

|  |  |
| --- | --- |
| **TỔ TRƯỞNG**  *(Ký và ghi rõ họ tên)* | *Hội An, ngày tháng năm 2022*  **HIỆU TRƯỞNG**  *(Ký và ghi rõ họ tên)* |

1. Theo Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông. [↑](#footnote-ref-1)
2. Đối với tổ ghép môn học: khung phân phối chương trình cho các môn [↑](#footnote-ref-2)